

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101**

**HẢI PHÒNG, 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH 7340101**

*(Ban hành theo Quyết định số ... ngày .../.../20...  
của Hiệu trưởng Nhà trường)*

**Phê duyệt**

**Trình duyệt**

**Hiệu trưởng**  
**TS Nguyễn Tiến Thanh**

**Phụ trách ngành**  
**TS Nguyễn Thị Hoàng Đan**

# NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

**Mã học phần:** ACP32031– **Số tín chỉ:** 03

Dùng cho ngành: Quản trị kinh doanh

Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không

Hình thức đào tạo: Trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Quản trị kinh doanh

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

1.ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

2.Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

## 1. Mô tả chung về học phần

Học phần “Nguyên lý kế toán” được thiết kế nhằm giúp sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán nói riêng và sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế, Quản trị nói chung hình thành, phát triển khả năng nhận biết, khái quát được các yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán, kết cấu của tài khoản kế toán, định khoản kế toán và kỹ thuật mở - ghi - khóa sổ kế toán.

Học phần được thiết kế 7 chương với nội dung chính tập trung vào các phương pháp kế toán và các hình thức kế toán.

Học phần “Nguyên lý kế toán” thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp người học có kiến thức nền để học tập và nghiên cứu các học phần kế toán chuyên ngành như kế toán tài chính, thực hành ghi sổ kế toán, kế toán thuế,...

## 2. Các chữ viết tắt (nếu có)

*BTCT-Báo cáo tài chính*

*CDR-Chuẩn đầu ra*

*DG-Đánh giá*

*TK - Tài khoản*

*DN – Doanh nghiệp*

...

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
----	-----------------------

a2	<b>Vận dụng</b> những kiến thức cơ bản về chứng từ kế toán, kết cấu và nội dung cơ bản của tài khoản kế toán, định khoản kế toán và tính giá để phục vụ công tác kế toán trong DN
b2	<b>Sử dụng</b> các phương pháp kế toán phục vụ cho việc ghi sổ và lập báo cáo tài chính
c2	Tham gia thực hiện các nội dung học tập, thực hành nghiêm túc các bài tập tình huống, trung thực trong các bài đánh giá.

#### 4. Giáo trình và tài liệu học tập

##### a. Giáo trình và tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Thị Đông, (2018), *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

[2] Võ Văn Nhị, (2021), *Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

##### 4.2 Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ tài chính, (2015), *Chế độ kế doanh nghiệp quyền 1 và 2*, NXB Tài chính

[2] Bộ tài chính, (2017), *Chế độ kế doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 và 2*, NXB Tài chính

#### 5. Chiến lược học tập

Học phần “Nguyên lý kế toán” được thiết kế chủ yếu theo mô hình làm việc độc lập để giải quyết các vấn đề nhằm đạt được chuẩn đầu ra mong đợi, dưới sự tương tác tích cực giữa giảng viên và sinh viên

Giảng viên đóng vai trò định hướng giúp sinh viên **học tập bằng hành động**, nghĩa là sinh viên phải **suy nghĩ và cân nhắc liên tục** trong giờ học nhằm mục đích tạo ra việc học tập có chất lượng. Học tập có chất lượng được hiểu là sự chủ động tìm tòi kiến thức do chính sinh viên thực hiện, chứ không đơn thuần là sự tiếp thu những kiến thức do giảng viên cung cấp.

Giảng viên giảng dạy theo **phương pháp tích cực**, tức là lấy sinh viên làm trung tâm của quá trình dạy học. Vì vậy sinh viên phải có tính **chủ động, sáng tạo**, phải chuẩn bị bài và đọc bài giảng trước khi lên lớp.

Trong giờ giảng, giảng viên dành thời gian cho sinh viên được thực hành áp dụng ngay lý thuyết vào bài tập để sinh viên tự phát hiện ra vấn đề, tự rút ra bài học kinh nghiệm bằng các con đường khác nhau. Sau đó giảng viên sẽ tổng kết lại các nội dung cốt lõi thuộc về bản chất của từng vấn đề.

Trong giờ học sinh viên phải làm việc thực sự ở trên lớp. Các vấn đề khó lần lượt được sinh viên và giảng viên làm sáng tỏ, từ đó sinh viên hiểu bài, rèn luyện được **thói quen tự học, tự giải quyết vấn đề**.

Chất lượng học tập (các chuẩn đầu ra) chỉ đạt được khi người học sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
Giới thiệu học phần	(1)- Giới thiệu chi tiết về từng nội dung trong đề cương chi tiết học phần, bao gồm cả phần đánh giá kết quả học tập; các quy định của nhà trường và của giảng viên đối với sinh viên. (2)- Giải đáp thắc mắc trước khi vào nội dung của học phần.	1			
Chương 1: Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán (3)		3		10	a2
1.1. Bản chất của hạch toán kế toán (LT)	Nghe giảng Thảo luận	1	Đọc và nghiên cứu tài liệu được giảng viên giới thiệu để hiểu thêm về bản chất và đối tượng của HTKT (Nghiên cứu chương 1: Bản chất và đối tượng của HTKT trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)		
1.2. Đối tượng của hạch toán kế toán (LT + BT)	Nghe giảng Thảo luận + Bài tập	2			
Chương 2: Phương pháp chứng từ kế toán		3		10	a2, c2

2.1. Nội dung, ý nghĩa phương pháp chứng từ kế toán (LT)	Nghe giảng	0,5	Thực hành bài tập về lập một số chứng từ kế toán cơ bản ( Phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT....) Nghiên cứu chương 2: Phương pháp chứng từ kế toán trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)		
2.2. Hệ thống bản chứng từ (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	2			
2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ (LT)	Nghe giảng	0,5			
Chương 3: Phương pháp tài khoản kế toán		<b>13</b>		<b>25</b>	<b>a2, b2, c2</b>
3.1. Nội dung, ý nghĩa phương pháp TK (LT)	Nghe giảng	0,5	Thực hành bài tập về định khoản kế toán và kiểm tra tính chính xác của việc ghi các nghiệp vụ kinh tế vào TK (Nghiên cứu chương 3: Phương pháp tài khoản kế toán trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)		
3.2. TK kế toán (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	5		5	
3.3. Cách ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào TK (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	5		10	
3.4. Cách kiểm tra tính chính xác của việc ghi các nghiệp vụ kinh tế vào TK (LT + BT)	Thực hành	2,5		10	
<b>Đánh giá 1: 20%</b> Nắm vững kết cấu và nội dung cơ bản của tài khoản kế toán, định khoản kế toán.	Thực hành	<b>1</b>			<b>a2</b>
Chương 4: Phương pháp tính giá		<b>8</b>		<b>20</b>	<b>a2, b2, c2</b>
4.1. Nội dung, ý nghĩa của PP tính giá (LT)	Nghe giảng	0,5	Thực hành bài tập về tính giá tài sản, vật tư, hàng hóa qua 3 quá		
4.2. Nội dung, trình tự	Nghe giảng + Bài tập	1,5		5	

tính giá tài sản mua vào (LT+ BT)			trình mua vào, sản xuất và xuất dùng, xuất bán		
4.3. Nội dung , trình tự tính giá SP, DV sản xuất (LT+BT)	Nghe giảng + Bài tập	3	(Nghiên cứu chương 4: Phương pháp tính giá trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)	5	
4.4. Nội dung , trình tự tính giá vốn hàng xuất kho (LT+BT)	Nghe giảng + Bài tập	3		10	
Chương 5: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu		<b>11</b>		<b>40</b>	<b>a2,b2, c2</b>
5.1. Hạch toán kế toán quá trình mua hàng (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	2	Thực hành bài tập về hạch toán các quá trình mua vào- sản xuất- tiêu thụ (Nghiên cứu chương 5: Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)	5	
5.2. Hạch toán kế toán quá trình sản xuất (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	4		10	
5.3. Hạch toán kế toán quá trình bán hàng (tiêu thụ) và xác định kết quả kinh doanh (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	5		15	
<b>Đánh giá 2: 20%</b> Vận dụng các phương pháp kế toán để xử lý các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh.	Thực hành	1			<b>a2, b2, c2</b>
Chương 6: Phương pháp tổng hợp cân đối kế toán		<b>2</b>		<b>10</b>	<b>a2, b2, c2</b>
6.1. Nội dung, ý nghĩa của PP tổng hợp cân đối kế toán (LT)	Nghe giảng	<b>0,5</b>	Thực hành bài tập về lập một số bảng tổng hợp cân đối kế toán (		
6.2. Phương pháp lập một số bảng tổng hợp	Nghe giảng + Bài tập	<b>1,5</b>	Nghiên cứu chương 6 : Phương pháp	10	

cân đối kế toán (LT+BT)			tổng hợp cân đối kế toán trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)		
Chương 7: Sổ kế toán và hình thức kế toán		<b>2</b>		<b>10</b>	<b>a2, b2, c2</b>
7.1. Sổ kế toán (LT )	Nghe giảng + Bài tập	<b>1</b>	Thực hành bài tập về ghi sổ kế toán ( Nghiên cứu chương 7 : Sổ kế toán và hình thức kế toán trong giáo trình Nguyên lý kế toán- TS. Nguyễn Thị Đông)	<b>5</b>	
7.2. Các hình thức kế toán (LT + BT)	Nghe giảng + Bài tập	<b>1</b>		<b>5</b>	
<b>Tổng số tiết/giờ học</b>		<b>45</b>		<b>125</b>	

Số tiết nghe giảng và thảo luận: 29 tiết, số tiết thực hành, thực tế: 16 tiết

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a2	b2	c2	
Quá trình	ĐG1. Bài đánh giá trên lớp	20%	x	x	x	
	ĐG2. Bài đánh giá trên lớp	20%	x	x	x	
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	60%	x	x	x	
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

## 8. Hoạt động đánh giá

### a. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a2, b2, c2 - Tỷ lệ: 20% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Bài đánh giá trên lớp, thời gian: 1 tiết

+ Về nội dung đánh giá: Khái quát kết cấu và nội dung cơ bản của tài khoản kế toán thông qua khả năng nhận biết đối tượng kế toán, khả năng hiểu và vận dụng kết cấu chung của tài khoản kế toán.



- + Hình thức đánh giá: làm bài đánh giá trên lớp.
- Các yêu cầu: Để chứng tỏ khả năng nhận biết đối tượng kế toán, khả năng hiểu và vận dụng kết cấu chung của tài khoản vào việc giải thích nội dung, kết cấu của từng tài khoản kế toán cụ thể, sinh viên phải hoàn thành bài tập đánh giá được giao. Bài đánh giá được viết tay ra giấy A4.
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí	Điểm	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0 - 8,4	5,5 - 6,9	4,0 - 5,4	≤ 4,0
1. Khả năng vận dụng các đối tượng kế toán. <b>(30%)</b>		Xác định đúng từ 85% đến 100% cả số hiệu và tên gọi của từng đối tượng kế toán	Xác định đúng từ 70% đến 84% cả số hiệu và tên gọi của từng đối tượng kế toán	Xác định đúng từ 55% đến 69% cả số hiệu và tên gọi của từng đối tượng kế toán	Xác định đúng từ 40% đến 54% cả số hiệu và tên gọi của từng đối tượng kế toán	Xác định đúng dưới 40% cả số hiệu và tên gọi của từng đối tượng kế toán
2. Khả năng sử dụng kết cấu chung của TK kế toán. <b>(70%)</b>		Khái quát được kết cấu và nội dung phản ánh của từng tài khoản, không mắc lỗi.	Khái quát được kết cấu và nội dung phản ánh của từng tài khoản, nhưng còn mắc không quá 2 lỗi.	Khái quát được kết cấu và nội dung phản ánh của từng tài khoản, nhưng còn mắc không quá 4 lỗi.	Khái quát được kết cấu và nội dung phản ánh của từng tài khoản, nhưng còn mắc không quá 6 lỗi.	Không khái quát hoặc khái quát được kết cấu và nội dung phản ánh của từng tài khoản nhưng còn mắc trên 6 lỗi.

**Kết quả đánh giá chung = 30% tiêu chí 1+ 70% tiêu chí 2**

**b. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a2, b2, c2 - Tỷ lệ: 20% điểm học phần**

- Hình thức đánh giá: Bài đánh giá trên lớp, thời gian: 1 tiết
- Mô tả bài đánh giá:
  - + Về nội dung: Xử lý các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh thông qua khả năng áp dụng phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản kế toán.
  - Các yêu cầu: Để chứng tỏ sinh viên biết áp dụng các phương pháp kế toán để tính được giá trị của tài sản, phân tích các mối quan hệ đối ứng kế toán, định khoản các

ng nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng giai đoạn sản xuất kinh doanh. Bài đánh giá được viết tay ra giấy A4.

Ma trận đánh giá:

Điểm Tiêu chí	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
	A	B	C	D	F
	8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
1. Khả năng sử dụng phương pháp tính giá. <b>(30%)</b>	Tính được giá trị các đối tượng kế toán, không mắc lỗi	Tính được giá trị các đối tượng kế toán, nhưng còn mắc không quá 2 lỗi.	Tính được giá trị các đối tượng kế toán, nhưng còn mắc không quá 4 lỗi.	Tính được giá trị các đối tượng kế toán, nhưng còn mắc không quá 6 lỗi.	Không xác định được giá trị của từng đối tượng kế toán, còn mắc trên 6 lỗi.
2. Khả năng sử dụng phương pháp tài khoản. <b>(70%)</b>	Định khoản đúng từ 85% đến 100% số NVKTPS.	Định khoản đúng từ 70% đến 84% số NVKTPS.	Định khoản đúng từ 55% đến 69% số NVKTPS.	Định khoản đúng từ 40% đến 54% số NVKTPS.	Định khoản đúng dưới 40% số NVKTPS.

**Kết quả đánh giá chung = 30% tiêu chí 1+ 70% tiêu chí 2**

**Hoạt động đánh giá 3 - Chuẩn đầu ra: a2, b2, c2 - Tỷ lệ: 60% điểm học phần**

- Hình thức đánh giá: Bài thi cuối kỳ, thời gian: 90 phút
  - Mô tả bài đánh giá :
    - + Về nội dung: Định khoản và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh sơ đồ chữ T
    - + Hình thức đánh giá: Thi tự luận cuối kỳ
    - Các yêu cầu: Để chứng tỏ sinh viên biết cách định khoản và phản ánh các nghiệp vụ phát sinh sơ đồ chữ T theo các phương pháp kế toán được học
- Ma trận đánh giá:

Điểm Tiêu chí	Xuất sắc	Tốt	Trung bình	Trung bình yếu	Không đạt
	A	B	C	D	F
	8,5 - 10	7,0 – 8,4	5,5 – 6,9	4,0 – 5,4	≤ 4,0
1. Sử dụng phương pháp tài khoản kế toán và tính giá <b>(60%)</b>	Định khoản không mắc lỗi.	Định khoản còn mắc không quá 2 lỗi.	Định khoản còn mắc không quá 4 lỗi.	Định khoản còn mắc không quá 6 lỗi.	Định khoản nhưng còn mắc trên 6 lỗi.
2. Thực hiện phản ánh vào sơ đồ chữ T <b>(40%)</b>	Ghi đúng từ 85% đến 100% số NVKTPS vào sơ đồ chữ T	Ghi đúng từ 70% đến 84% số NVKTPS vào sơ đồ chữ T	Ghi đúng từ 55% đến 69% số NVKTPS vào sơ đồ chữ T	Ghi đúng từ 40% đến 54% số NVKTPS vào sơ đồ chữ T	Ghi đúng dưới 40% số NVKTPS vào sơ đồ chữ T

**Kết quả đánh giá chung = 60% tiêu chí 1+ 40% tiêu chí 2**

**c. Cách tính kết quả học tập chung của học phần**

*[Mô tả kết quả học tập chung của học phần được tính như thế nào]*

**Điểm học phần= 20% điểm ĐG1+ 20% điểm ĐG2 + 60% điểm ĐG3**

**9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học**

- Phòng học đảm bảo 2 sinh viên/ 1 bàn, có đủ ánh sáng, phấn, bảng
- Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy vi tính, máy chiếu, âm thanh
- Sinh viên cần chuẩn bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho quá trình học tập như giấy trắng khổ A4, máy tính bỏ túi, thước kẻ, bút bi nhiều màu, bút chì, tẩy, ...

**10. An toàn của sinh viên và giảng viên**

- Phòng học phải được sinh viên vệ sinh sạch sẽ trước giờ vào học.
- Sinh viên sẽ được chăm sóc sức khỏe chu đáo và được tư vấn, hướng dẫn chuyên tuyến trên khi cần thiết

**11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ**

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm ....*  
**Người biên soạn**